

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~784~~ /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Ban chỉ đạo về Chính phủ điện tử;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các sở GDĐT;
- Các ĐH, HV; các trường ĐH, CĐ, TC;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Cục CNTT (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ
về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử
giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~784~~/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. MỤC TIÊU

1. Giai đoạn 2019 - 2020

- Tham gia Trục liên thông văn bản quốc gia theo lộ trình của Chính phủ quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), ngành GDĐT.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của Bộ GDĐT đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ GDĐT với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ GDĐT.

- Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; Cổng dịch vụ công cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Cổng thông tin điện tử công khai đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản và điều hành của Bộ GDĐT qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định

của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực (HCI), góp phần nâng xếp hạng về Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam tăng từ 10 đến 15 bậc, đưa Việt Nam vào trong nhóm 5 quốc gia đứng đầu ASEAN về Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử theo phương pháp đánh giá của Liên hợp quốc.

2. Giai đoạn 2021 - 2025

- Tiếp tục phát triển các hệ thống nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, phát triển các giải pháp kết nối với các hệ thống thông tin của các nước trong khu vực ASEAN cũng như một số nước trên thế giới theo quy định, thông lệ quốc tế; hoàn thành triển khai Cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ GDĐT được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ GDĐT được xác thực điện tử.

- 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 60% các hệ thống thông tin của Bộ GDĐT có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

- Đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Bộ GDĐT và kết nối với Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực (HCI), góp phần đưa Việt Nam vào nhóm 4 quốc gia đứng đầu ASEAN về Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử theo phương pháp đánh giá của Liên hợp quốc.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử

a) Tổ chức triển khai việc rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý.

b) Ban hành, sửa đổi các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan hướng tới sự thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho cá nhân và tổ chức.

c) Xây dựng Thông tư quy định về quản lý, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục đại học.

d) Nghiên cứu, xây dựng bộ mã định danh điện tử theo tiêu chuẩn quốc tế phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

đ) Ban hành, cập nhật quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành và phát triển Chính phủ điện tử.

2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính phủ điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ điện tử trên thế giới

a) Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ GDĐT phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 và thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với các phiên bản cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ GDĐT.

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học, triển khai trong giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

c) Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT, ngành GDĐT trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thông tin báo cáo, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, thủ tục hành chính, công báo điện tử với Trục liên thông văn bản quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

d) Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ GDĐT theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin theo khu vực (thực hiện thuê dịch vụ của các nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam) nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

đ) Xây dựng Trung tâm dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ, triển khai trong giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số quốc gia hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

a) Triển khai Hệ thống tham vấn chính sách, văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ GDĐT, để rút ngắn thời gian xử lý, giảm họp, giảm giấy tờ hành chính, công khai quá trình tiếp thu ý kiến, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt và trách nhiệm giải trình theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

b) Xây dựng, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trong giai đoạn 2019 - 2020 và tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

c) Tích hợp hệ thống thông tin của Bộ với Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Chính phủ, bảo đảm mọi ý kiến của người dân, doanh nghiệp được gửi, nhận hoàn toàn trên môi trường mạng, triển khai tích hợp giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ GDĐT, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, đưa vào vận hành trong giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Xây dựng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Bộ GDĐT và kết nối với Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ.

e) Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

f) Triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa trong giai đoạn 2019 - 2020, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

4. Xây dựng Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân

a) Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống công nghệ thông tin của Bộ GDĐT.

b) Triển khai hệ thống dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Triển khai chứng thực chữ ký số, xác thực điện tử cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp trong giai đoạn 2019 - 2020, hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Nâng cao nhận thức, kỹ năng về bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ GDĐT.

5. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính phủ điện tử

a) Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính phủ điện tử.

b) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời, đầy đủ.

c) Phối hợp triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi

khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... trong giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

đ) Xây dựng Chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và làm việc trên môi trường mạng.

e) Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử.

g) Phối hợp nghiên cứu, triển khai hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính phủ điện tử với các nước xếp hạng cao về Chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc, bảo đảm đúng pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thế mạnh của các đối tác, không phụ thuộc vào một đối tác duy nhất, đặc biệt trong vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, làm chủ công nghệ và mã nguồn hệ thống.

6. Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi

a) Ban chỉ đạo về Chính phủ điện tử Bộ GDĐT do Bộ trưởng là Chủ tịch Ban chỉ đạo, trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử của Bộ GDĐT.

Cục Công nghệ thông tin thực hiện chức năng cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo về Chính phủ điện tử Bộ GDĐT, bảo đảm thực thi Nghị quyết của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

b) Tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo về Chính phủ điện tử Bộ GDĐT bảo đảm hiệu quả và phát triển Chính phủ điện tử.

c) Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát trách nhiệm giải trình, ra quyết định và xử lý kịp thời các vướng mắc về thể chế, nguồn lực tài chính, giải pháp công nghệ và con người để bảo đảm thực thi hiệu quả mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử trong giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

(Danh mục các nhiệm vụ, dự án và danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng

Ngoài các nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục của Kế hoạch này, Văn phòng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ tổng hợp các số liệu về Chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ

với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp số liệu cho các tổ chức quốc tế nêu tại Điểm b, Khoản 5, Mục II của Kế hoạch.

2. Cục Công nghệ thông tin

Ngoài các nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục của Kế hoạch, Cục Công nghệ thông tin có nhiệm vụ:

- a) Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ triển khai Kế hoạch này.
- b) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính bố trí đủ ngân sách hàng năm triển khai Kế hoạch, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt.
- c) Chuẩn bị cơ sở hạ tầng, các giải pháp công nghệ sẵn sàng phối hợp, hỗ trợ các đơn vị trong việc thực hiện Kế hoạch.
- d) Hàng quý và hàng năm có báo cáo tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch này, gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.
- đ) Phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng đề xuất có các hình thức khen thưởng kịp thời các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ trong Kế hoạch.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Ngoài nhiệm vụ được phân công tại Điểm a Khoản 5 Mục II của Kế hoạch này, Vụ Kế hoạch - Tài chính có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

4. Các vụ: Giáo dục tiểu học, Giáo dục Trung học, Giáo dục thường xuyên, Giáo dục Đại học

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc theo nêu tại Điểm b, Khoản 5, Mục II của Kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục của Kế hoạch này.

5. Vụ Thi đua - Khen thưởng

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị được phân công nhiệm vụ trong Kế hoạch đề xuất việc khen thưởng các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc triển khai các nhiệm vụ của đơn vị mình trong Kế hoạch này.

b) Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch, cụ thể hóa các nhiệm vụ thành các đề án, dự án, công việc, kết quả đầu ra để xây dựng chương trình công tác tháng, quý và năm của đơn vị.

c) Rà soát các thủ tục hành chính, phân loại và đề xuất danh mục các thủ tục cần ưu tiên xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, gửi Văn phòng tổng hợp.

d) Tổ chức triển khai các giải pháp để tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ của từng đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và số lượng hồ sơ xử lý qua mạng của đơn vị mình.

đ) Hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu có báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch của đơn vị, gửi Cục Công nghệ thông tin để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ.

7. Giám đốc các sở GDĐT; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng và trung cấp

a) Căn cứ vào nội dung của Kế hoạch và tình hình thực tế, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

c) Hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của đơn vị, gửi về Bộ GDĐT (qua Cục Công nghệ thông tin) để tổng hợp, theo dõi.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG *P*



Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~784~~ /QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian		Ghi chú
				Thực hiện, hoàn thành		
				2019 - 2020	2021 - 2025	
I	Xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử					
1	Tổ chức triển khai việc rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý	Văn phòng	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
2	Ban hành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hướng tới sự thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho cá nhân và tổ chức	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn phòng, Vụ Pháp chế	2019 - 2020	2021 - 2025	
3	Xây dựng Thông tư quy định về quản lý, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục đại học	Cục CNTT	Vụ Pháp chế, các đơn vị liên quan	2019 - 2020		
4	Nghiên cứu, xây dựng bộ mã định danh điện tử theo tiêu chuẩn quốc tế phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
5	Ban hành, cập nhật quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành và phát triển Chính phủ điện tử	Văn phòng, Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian		Ghi chú
				Thực hiện, hoàn thành		
				2019 - 2020	2021 - 2025	
II Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính phủ điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ điện tử trên thế giới						
1	Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ GDĐT phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 và thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với các phiên bản cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ GDĐT	Cục CNTT	Văn phòng, các đơn vị liên quan	2019 -2020	2021- 2025	Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
2	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông	Cục CNTT	Văn phòng, các sở GDĐT và các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học	Cục CNTT	Văn phòng, Vụ GDĐH, các ĐH, HV, các trường ĐH, CĐ, TC và các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
4	Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT, ngành GDĐT trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thông tin báo cáo, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, thủ tục hành chính, công báo điện tử với Trục liên thông văn bản quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một	Cục CNTT	Văn phòng và các đơn vị liên quan	2019 -2020	2021- 2025	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian Thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	cửa quốc gia và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương					
5	Tái cấu trúc hạ tầng CNTT của Bộ GDĐT theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng CNTT theo khu vực (thực hiện thuê dịch vụ của các nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam) nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Cục CNTT	Văn phòng và các đơn vị liên quan	2019 -2020	2021- 2025	
6	Xây dựng Trung tâm dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ GDĐT	Cục CNTT	Văn phòng và các đơn vị liên quan	2019 -2020	2021- 2025	
III	Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số quốc gia hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số					
1	Triển khai Hệ thống tham vấn chính sách, văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ GDĐT	Vụ Pháp chế	Văn phòng, Cục CNTT, các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	Thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
2	Xây dựng, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ	Văn phòng, Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian Thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	công quốc gia					
3	Tích hợp hệ thống thông tin của Bộ GDĐT với Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Chính phủ	Cục CNTT	Văn phòng, các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
4	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ GDĐT, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng	Cục CNTT, các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	Thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
5	Xây dựng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Bộ GDĐT và kết nối với Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ	Văn phòng	Cục CNTT và các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	Thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
6	Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
7	Triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
IV	Xây dựng Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bản đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân					
1	Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống CNTT của Bộ GDĐT	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian Thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
2	Triển khai hệ thống dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
3	Triển khai chứng thực chữ ký số, xác thực điện tử cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp	Cục CNTT	Văn phòng, các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
4	Nâng cao nhận thức, kỹ năng về bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ GDĐT	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
V	Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính phủ điện tử					
1	Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính phủ điện tử	Vụ KHTC	Cục CNTT, các cơ quan, đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
2	Thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc	Vụ GDTH, Vụ GDTrH Vụ GDTX, Vụ GDĐH	Văn phòng, các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn	2019 - 2020	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian		Ghi chú
				Thực hiện, hoàn thành		
				2019 - 2020	2021 - 2025	
			vị liên quan			
3	Tổng hợp các số liệu về Chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp số liệu cho các tổ chức quốc tế	Văn phòng	Vụ GDTH, Vụ GDTrH Vụ GDTX, Vụ GDDH, các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
4	Phối hợp triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)...	Vụ KHCNMT	Cục CNTT, các cơ quan, đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
5	Xây dựng Chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và làm việc trên môi trường mạng	Cục CNTT	Vụ TCCB, các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
6	Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp	Văn phòng	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian Thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019 - 2020	2021 - 2025	
	về phát triển Chính phủ điện tử					
7	Phối hợp nghiên cứu, triển khai hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính phủ điện tử với các nước xếp hạng cao về Chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc, bảo đảm đúng pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thể mạnh của các đối tác, không phụ thuộc vào một đối tác duy nhất, đặc biệt trong vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, làm chủ công nghệ và mã nguồn hệ thống	Cục CNTT	Văn phòng, Cục HTQT, các cơ quan, đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
VI	Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi					
1	Tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo về Chính phủ điện tử, bảo đảm thực thi Nghị quyết của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025	Cục CNTT	Các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	
2	Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát trách nhiệm giải trình, ra quyết định và xử lý kịp thời các vướng mắc về thể chế, nguồn lực tài chính, giải pháp công nghệ và con người để bảo đảm thực thi hiệu quả mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử	Văn phòng	Vụ KHTC, Cục CNTT, các đơn vị liên quan	2019 - 2020	2021 - 2025	

Ghi chú: Các từ ngữ viết tắt

- GDĐT: Giáo dục và Đào tạo
 - GDTH: Giáo dục tiểu học
 - GDTrH: Giáo dục Trung học
 - GDĐH: Giáo dục đại học
 - GDTX: Giáo dục thường xuyên
 - KHCMNT: Khoa học, Công nghệ và Môi trường
 - KHTC: Kế hoạch - Tài chính
 - CNTT: Công nghệ thông tin
 - HTQT: Hợp tác quốc tế
 - ĐH, HV, CĐ, TC: Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung cấp
-

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~184~~ /QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị chủ trì	Mức độ, thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
			2019	2020 - 2025	
1	Cấp thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Cục QLCL	Mức độ 3		
2	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
4	Cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
5	Đăng ký, xác nhận Đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
6	Gia hạn đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
7	Mở ngành đào tạo trình độ đại học	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
8	Phê duyệt đề án liên kết Đào tạo với nước ngoài	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
9	Liên kết đào tạo trình độ đại học	Vụ GDĐH	Mức độ 3		
10	Đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy	Vụ GDĐH	Mức độ 4		
11	Công nhận trường cao đẳng tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	Vụ TCCB	Mức độ 3		

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị chủ trì	Mức độ, thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
			2019	2020 - 2025	
12	Chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên	Vụ GDĐT	Mức độ 3		
13	Cấp lại thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Cục QLCL	Mức độ 4		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
14	Công nhận văn bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ và bằng tiến sĩ do cơ sở nước ngoài cấp	Cục QLCL	Mức độ 3		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
15	Cử đi học nước ngoài	Cục HTQT	Mức độ 3		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
16	Thay đổi nước đến học hoặc ngành học	Cục HTQT	Mức độ 3		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
17	Tuyển sinh đi học nước ngoài bằng học bổng ngân sách Nhà nước, học bổng Hiệp định và học bổng khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý	Cục HTQT	Mức độ 4		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
18	Tuyển chọn và cử nghiên cứu sinh đi đào tạo ở nước ngoài	Cục HTQT	Mức độ 4		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
19	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện Hiệp định vào học tại Việt Nam	Cục HTQT	Mức độ 4		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị chủ trì	Mức độ, thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
			2019	2020 - 2025	
20	Tiếp nhận lưu học sinh về nước	Cục HTQT	Mức độ 4		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
21	Gia hạn thời gian học tập cho lưu học sinh để hoàn thành khóa học	Cục HTQT	Mức độ 4		Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018
22	Giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho các cơ sở giáo dục đại học	Cục NGCBQL		Mức độ 3	
23	Giao nhiệm vụ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục	Cục NGCBQL		Mức độ 3	
24	Công nhận tình đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Vụ GDMN, Vụ GDTH, Vụ GDT&H, Vụ GDTX		Mức độ 3	
25	Công nhận tình đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Vụ GDDT		Mức độ 3	
26	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vụ GDĐH		Mức độ 3	
27	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng.	Vụ GDĐH		Mức độ 3	
28	Cho phép phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo	Vụ GDĐH		Mức độ 3	
29	Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo	Vụ GDĐH		Mức độ 3	
30	Cho phép trường đại học, phân hiệu trường đại học hoạt động trở lại	Vụ GDĐH		Mức độ 3	

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị chủ trì	Mức độ, thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
			2019	2020 - 2025	
31	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng	Vụ GDĐH		Mức độ 3	
32	Giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ	Vụ GDĐH		Mức độ 3	
33	Giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước	Vụ GDĐH		Mức độ 4	
34	Giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp	Vụ GDĐH		Mức độ 3	

Ghi chú: Từ ngữ viết tắt

- GDMN: Giáo dục mầm non
- GDTH: Giáo dục tiểu học
- GDTrH: Giáo dục Trung học
- GDTX: Giáo dục thường xuyên
- GDĐH: Giáo dục đại học
- GDDT: Giáo dục dân tộc
- HTQT: Hợp tác quốc tế
- QLCL: Quản lý chất lượng
- NGCBQL: Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục